

NHU CẦU GIÁO DỤC CỦA TRẺ EM VI PHẠM PHÁP LUẬT

• ThS. BÙI THẾ HỢP - NGUYỄN THẾ THĂNG
Viện Chiến lược và Chương trình Giáo dục

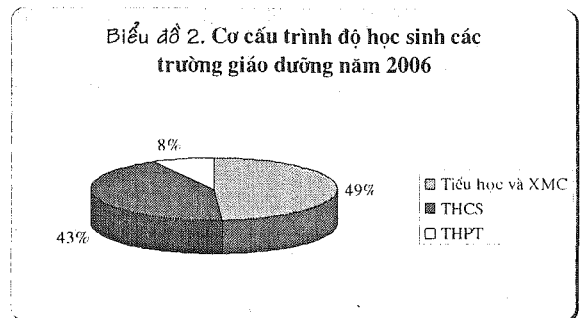
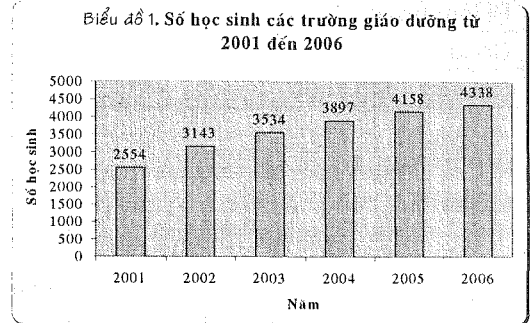
1. Giới thiệu

Giáo dục trẻ em vì tương lai đất nước là trách nhiệm của toàn xã hội, mà trước hết là ngành Giáo dục. Tuy nhiên, trong xã hội tồn tại một bộ phận trẻ em, do hoàn cảnh đặc biệt đang được quan tâm chăm sóc giáo dục đặc biệt bởi các nhà trường và cơ sở không thuộc quyền quản lý trực tiếp của ngành Giáo dục. Bài viết này phản ánh về nhu cầu giáo dục của một nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đang được giáo dục tại một trong các loại hình nhà trường đặc biệt đó - trẻ em vi phạm pháp luật (VPPL) tại các trường giáo dưỡng (TGD). Các dữ liệu trong bài viết này được lấy từ kết quả cuộc khảo sát tháng 1/2007.

Nhu cầu giáo dục được phản ánh tập trung vào các khía cạnh: 1) Nhu cầu về mục tiêu đầu ra; 2) Nhu cầu về chương trình; 3) Nhu cầu về phương pháp, phương tiện và điều kiện giáo dục; 3) Nhu cầu về các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường.

Cả nước hiện có 05 TGD, đây là các cơ sở giáo dục đặc biệt dành cho trẻ em và người chưa thành niên VPPL. 04 trong số 05 trường (được gọi tên theo số, từ TGD số 2 đến TGD số 5) do Cục quản lý trại giam (V26) Bộ Công an quản lý, trường số 1 tên gọi là Trường phổ thông nội trú có dạy nghề số 1 thuộc sự quản lý của Công an thành phố Hà Nội.

Đưa vào TGD là biện pháp xử phạt hành chính cao nhất áp dụng đối với người đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi VPPL từ đặc biệt nghiêm trọng tới những vi phạm ít nguy hiểm đã được giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà không có tiến bộ. Thời hạn giáo dục tại TGD kéo dài từ 6 tháng đến 2 năm¹. Những năm gần đây, số lượng trẻ em và vị thành niên được đưa vào các TGD liên tục tăng (trung bình 11,36%/năm) và tăng nhanh hơn nhiều so với tỉ lệ gia tăng dân số, trong đó chiếm tỉ lệ lớn nhất (49%) là những trẻ em còn mù chữ, đang hoặc đã bỏ học khi chưa hết cấp tiểu học. (Xem biểu đồ 1 và 3).



2. Nhu cầu về đầu ra của học sinh

Thông tin từ phía học sinh cho thấy nhu cầu tiếp tục học văn hóa và học nghề sau khi hết thời hạn ở nhà trường chiếm tỉ lệ trên 30%; nhu cầu đi làm ngay cũng chiếm một tỉ lệ tương đối cao, 24,37%, trong khi vẫn còn 10,14 % chưa biết mình sẽ làm gì khi trở về.

Một điểm đáng chú ý khác là trong khi nhu cầu tiếp tục học văn hóa sau khi ra trường của học sinh phía Bắc là lựa chọn số 1 thì ở các trường phía Nam, học nghề và đi làm ngay là lựa chọn của số đông các em. (xem bảng 1)

Khi được phỏng vấn về mục tiêu giáo dục của nhà trường, các cán bộ quản lý đều thống nhất cao về mục tiêu "quản lý, giáo dục đạo đức, hướng nghiệp, dạy văn hóa, dạy nghề và tổ chức lao động phù hợp với lứa tuổi học sinh; giúp các em sửa chữa những vi phạm và trở nên tiến bộ, phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần, trí tuệ để trở thành công dân lương thiện, có ích cho

¹ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.



Bảng 1. Nguyên vọng của học sinh sau khi hoàn thành thời gian ở TGD

Nguyên vọng	Trường					
	Trường 1 %	Trường 2 %	Trường 3 %	Trường 4 %	Trường 5 %	Tổng %
Tiếp tục học văn hóa	50.55	39.45	27.43	20.62	23.30	31.97
Học nghề	19.78	24.77	30.97	42.27	39.81	31.58
Đi làm ngay	21.98	21.10	23.01	26.80	29.13	24.37
Chưa có nguyên vọng gì	6.59	12.84	15.04	8.25	6.80	10.14
Nguyên vọng khác	1.10	1.83	3.54	2.06	0.97	1.95

xã hội". Diễn giải này sát hợp với mục tiêu TGD được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật¹, tuy nhiên chưa nói rõ được thứ tự ưu tiên giữa các cấu phần của mục tiêu: 1) quản lí, 2) hướng nghiệp và dạy nghề; 3) dạy văn hóa; 4) tổ chức lao động phù hợp lứa tuổi. Và cũng theo ý kiến các cán bộ quản lí, nhà trường không có được sự liên lạc hoặc thông tin của học sinh từng học ở trường. Rõ ràng mục tiêu đầu ra của học sinh, theo họ, mang tính chất khái quát cao ("trở thành công dân lượng thiện, có ích cho xã hội") và chưa phản ánh được cụ thể học sinh sẽ phù hợp với những lựa chọn như thế nào. Thông tin này chỉ có được một cách gián tiếp qua phiếu hỏi giáo viên.

Các giáo viên cho rằng mức độ phù hợp của từng lựa chọn đối với học sinh sau khi ra trường theo thứ tự lần lượt là: 1) học nghề; 2) đi làm; 3) học bổ túc văn hoá; và cuối cùng, hai lựa chọn có vị trí ngang nhau là "lựa chọn khác" và "tiếp tục học phổ thông". Hầu hết (khoảng 90%) giáo viên không cho biết lựa chọn khác cụ thể là gì, chỉ biết là không phải các lựa chọn kia; một số ý

kiến cho rằng lựa chọn khác là ở nhà giúp đỡ gia đình; cá biệt, khoảng 5 ý kiến cho rằng lựa chọn khác đó là tiếp tục theo hoặc bị lôi cuốn bởi các băng nhóm phạm tội (xem bảng 2).

Như vậy, có sự lệch pha giữa mong đợi về đầu ra giữa học sinh cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông với thực tế về sự phù hợp về đầu ra (theo nhận định của giáo viên). Nếu như khoảng hơn một phần ba số học sinh cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông, (lực lượng đông nhất ở TGD), mong muốn được tiếp tục đi học văn hoá sau khi ra trường, thì theo nhận định của giáo viên, nguyên vọng đó ít phù hợp nhất với các em. Nguyên nhân của sự lệch pha này có thể được giải thích một phần ở chương trình học tập của các nhà trường.

3. Nhu cầu về chương trình

Đại đa số học sinh ở cả 3 cấp học nhận thấy sự cần thiết của việc học văn hóa trong TGD (xem bảng 3). Giải thích cho điều này, lí do thường được học sinh tiểu học nêu ra là: 1) "biết

chữ để sau này học nghề", 2) "học để biết chữ", 3) "học được những điều bổ ích", và 4) "thầy cô dạy tận tình"; trong khi học sinh trung học cơ sở nêu thêm các lí do "học giúp nâng cao hiểu biết xã hội" và "để ra trường có thể tiếp tục học ở các lớp bình thường". Học sinh cấp THPT cũng nêu ra các

Bảng 2. Ý kiến giáo viên về thứ tự các lựa chọn phù hợp với học sinh sau ra trường

Lựa chọn phù hợp	Trường					Cả 5 trường
	Số 1	Số 2	Số 3	Số 4	Số 5	
Trở về tiếp tục học phổ thông	4	5	4	5	5	4
Học bổ túc văn hoá	3	3	2	1	4	3
Học nghề	1	2	1	2	2	1
Đi làm	2	1	3	3	1	2
Lựa chọn khác	5	4	5	4	3	4

¹ Nghị định 42/CP ngày 14/11/2003, điều 6.

lí do tương tự học sinh ở THCS.

Bảng 3. Ý kiến của học sinh về sự cần thiết đối với việc học văn hóa ở trường

	Tiểu học (%)	Trung học cơ sở (%)	Trung học phổ thông (%)
Cần thiết	96	93	94
Không cần thiết	4	7	6

Trong khi đại đa số học sinh ở cả 3 cấp học đều nhận thấy sự cần thiết của việc học văn hóa ở trường thì tỉ lệ các em yêu thích việc học văn hóa lại thấp hơn rất nhiều. Trong khi 96% học sinh tiểu học, 93% THCS và 94% THPT thấy học văn hóa là cần thiết thì số học sinh thích học văn hóa ở cả ba cấp học lần lượt chỉ là 57%, 47% và 44%. Lí do của việc không yêu thích học văn hóa thường được đưa ra là: 1) việc học mang tính cưỡng ép; 2) chương trình học trong trường khác với phổ thông bên ngoài; 3) đã bỏ học một thời gian nay học lại thấy ngại; 4) thầy cô dạy không hiểu; 5) lao động mệt khiến học không vào.

Bảng 4. Mức độ yêu thích của học sinh với việc học văn hóa ở trường

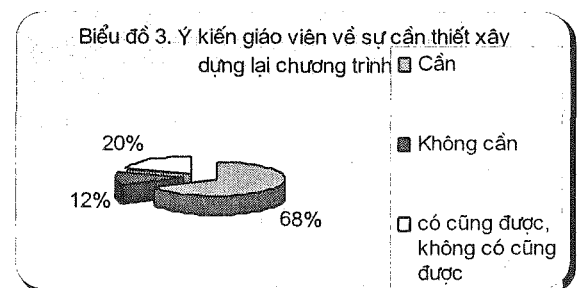
	Tiểu học (%)	Trung học cơ sở (%)	Trung học phổ thông (%)
Rất thích	57	47	44
Không thích lắm	38	44	39
Không thích	5	8	16

Thông tin từ giáo viên và cán bộ quản lí cho biết cả 5 trường đều áp dụng một mô hình chương trình dạy văn hóa giống nhau. Chương trình xóa mù chữ và bổ túc tiểu học được áp dụng cho học sinh cấp tiểu học. Chương trình bổ túc văn hóa với việc rút gọn số lượng môn học và số giờ học của một số môn chính được áp dụng cho cấp THCS và THPT. Bên cạnh đó học sinh được học nghề, giáo dục đạo đức và pháp luật, giáo dục giới tính, tư vấn tâm lí. Hai hoạt động chiếm thời lượng nhiều nhất là học văn hóa và lao động.

Giáo viên các trường có nhận định khác nhau về mức độ phù hợp của chương trình giáo dục trong các TGD. Số đông giáo viên được hỏi cho rằng chương trình giáo dục hiện tại không phù hợp lắm hoặc không phù hợp. Qua phỏng

vấn sâu, các giáo viên trường 2 cho rằng sự bất cập của chương trình chủ yếu nằm ở chỗ: 1) Chương trình học văn hoá chưa được phân hoá sát hợp với nhu cầu của học sinh mà thực hiện theo cách đồ đồng; 2) Chương trình xoá mù chữ và bổ túc văn hoá tiểu học ở môn Tiếng Việt không phù hợp với lứa tuổi của học sinh do sách giáo khoa xoá mù chữ và bổ túc văn hoá sử dụng ngữ liệu văn học của đối tượng người lớn và chương trình lại chạy quá nhanh, không đảm bảo cho học sinh hiện đang mù chữ và tái mù chữ trở thành biết chữ sau thời gian học ở trường; 3) Chương trình cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông áp dụng mô hình bổ túc văn hoá nên nhóm học sinh vốn đang học phổ thông và nhóm có nhu cầu trở về tiếp tục học phổ thông cảm thấy không hứng thú. Các em này nhận thấy mình đang học một chương trình khác trước, với nhiều môn và nội dung bị lược bỏ nên khó có thể hoà nhập trở lại nhà trường phổ thông sau ra trường, trong khi các trung tâm giáo dục thường xuyên thường xa nhà - khó tiếp cận với các em; 4) Chưa có được chương trình ôn tập và xếp lớp phù hợp trình độ học sinh, mà chủ yếu xếp lớp theo 'kê khai' của các em, nên nhiều em đã bỏ học một thời gian trở nên không thể theo kịp chương trình; 5) Chương trình dạy nghề chưa được cải tiến, trong điều kiện nhà xưởng và thiết bị hạn chế, không đảm bảo học sinh có nghề và có thể đi làm ngay sau khi ra trường.

Đa số (68%) các giáo viên nhận thấy sự cần thiết của việc xây dựng lại chương trình giáo dục của TGD (biểu đồ 3). Các định hướng mà giáo viên đưa ra để xây dựng chương trình đó là: 1) tăng cường thời lượng và sự tập trung cho giáo dục đạo đức - pháp luật và văn hoá; 2) hướng đến tiệm cận và hoà nhập với chương trình phổ thông; 3) vừa ôn tập củng cố kiến thức cũ, vừa dạy kiến thức mới theo nhu cầu và khả năng của trẻ.





4. Nhu cầu về phương pháp, phương tiện và điều kiện giáo dục

Đa số học sinh ở cả 3 cấp học cảm thấy dễ chịu với phương pháp, phương tiện và điều kiện học tập tại các trường. Giải thích cho điều này, các em cho rằng thầy cô ở đây khá tận tình, lớp học rộng và thoáng. Tuy nhiên, khi được phỏng vấn sâu hơn thì đã có nhiều ý kiến than phiền, điển hình là 'lớp học quá ồn', 'thầy cô dạy không hiểu bài', 'lao động mệt nên không học được'. Cá biệt, có ý kiến nêu rằng các em còn 'bị đánh'.

Một trong những lí do không yêu thích việc học tập mà một nhóm học sinh tại các trường giáo dưỡng nêu ra là ở phương pháp dạy học của giáo viên. Việc chưa đáp ứng được nhu cầu về phương pháp dạy học phù hợp đối với học sinh không nằm ở sự yếu kém về trình độ đào tạo của giáo viên, vì họ hầu như đều đạt chuẩn về trình độ sư phạm, mà ở chỗ sự vận dụng các phương pháp dạy học. Các giáo viên cho rằng việc dạy theo chương trình bổ túc văn hóa và không có điều kiện bồi dưỡng thường xuyên về đổi mới phương pháp dạy học khiến họ ngày càng cảm thấy khó khăn với các lớp học sinh hiện nay.

Trong khi phòng học, bàn ghế và sách vở được cho là tạm đủ, các giáo viên vẫn nhận thấy những hạn chế của bản thân và nhà trường về phương pháp, phương tiện và điều kiện giáo dục. Các giáo viên cho rằng học sinh của họ không có đủ thời gian để học và tự học vì thời gian biểu của nhà trường rất quy củ, chặt chẽ và mang tính bắt buộc, với buổi sáng học văn hoá, buổi chiều lao động, buổi tối tham gia các hoạt động văn hoá văn nghệ và sinh hoạt theo tổ, đội. Các em không có điều kiện cần thiết cho việc tự học như không gian và thời gian tự học. Ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông vẫn chưa được trang bị các phòng học bộ môn nên các môn Lí, Hoá và Sinh học không thể tiến hành các thực hành và thí nghiệm. Mặt khác, giáo viên tại các TGD cũng cảm nhận họ khác với giáo viên phổ thông, ít được tham gia các khoá đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên về đổi mới chương trình và phương pháp dạy học; chưa kể đến các khoá bồi dưỡng về phương pháp dạy học, giáo dục cá biệt hoá, sát đối tượng dành riêng cho giáo viên các TGD cũng chưa có/ chưa được tổ chức.

5. Nhu cầu về các hoạt động giáo dục khác trong trường

5.1. Hoạt động lao động

Số đông học sinh nhận thấy sự cần thiết và phù hợp của hoạt động lao động trong nhà trường (xem bảng 5). Nhóm học sinh đánh giá hoạt động lao động trong nhà trường là phù hợp đã đưa ra các lí do: 1) Lao động không nặng nhọc lắm; 2) Lao động là khoảng thời gian giúp các em nhìn nhận lại lỗi lầm trước đây của mình; 3) Lao động giúp rèn luyện cơ thể.

Nhóm học sinh cho rằng lao động trong nhà trường là "không phù hợp lắm" hoặc 'không phù hợp' cũng đã nêu ra các lí do của mình. Các lí do thường được nêu ra là: 1) một số công việc khó và không phù hợp do các em chưa quen; 2) một số lao động không phù hợp sức khoẻ (ý kiến của học sinh trường số 3); 3) các em cần có thêm thời gian học và tự học.

Bảng 5. Đánh giá của học sinh về sự phù hợp của hoạt động lao động

Cấp học \ Mức độ	Tiểu học %	THCS %	THPT %
Phù hợp	81	76	81
Không phù hợp lắm	17	19	14
Không phù hợp	2	5	5

5.2. Hoạt động văn hóa văn nghệ và thể dục thể thao

Hầu hết học sinh các TGD đều thích các hoạt động văn hoá văn nghệ và thể dục thể thao (bảng 6), phần đông các em nhiệt tình tham gia những hoạt động này (bảng 7). Nhóm học sinh thích và tham gia đầy đủ các hoạt động văn thể nhận thấy các hoạt động này thực sự bổ ích, tạo không khí vui tươi. Trái lại, nhóm các em cảm thấy không thích, không tham gia đều thì nêu ra lí do rằng mình không có năng khiếu, không thích hoạt động tập thể và cảm thấy bị bắt buộc tham gia.

Bảng 6. Thái độ của học sinh đối với các hoạt động văn thể

Cấp học \ Mức độ	Tiểu học %	THCS %	THPT %
Rất thích	91	80	83
Không thích lắm	7	16	15
Không thích	2	3	1

Bảng 7. Sự tham gia của học sinh trong các hoạt động văn thể

Cấp học / Mức độ	Tiêu học %	THCS %	THPT %
Tham gia đầy đủ	84	70	83
Tham gia không đầy đủ	14	21	15
Không tham gia	2	9	1

6. Kết luận và đề xuất

Kết quả khảo sát ban đầu có thể đưa đến khẳng định rằng TGD trước hết đã đảm bảo quyền được học tập của trẻ em VPPL. Tuy nhiên, xét trên khía cạnh nhu cầu, việc học tập này hiện chỉ thoả mãn nhu cầu và nguyện vọng của khoảng hơn một nửa số học sinh tại các trường; khoảng gần một nửa còn lại chưa hài lòng, với mục tiêu, chương trình, phương pháp và các điều kiện giáo dục hiện tại. Đa số giáo viên tại các trường cũng cho rằng cần xây dựng lại bộ chương trình giáo dục cho các cấp học nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu học tập của học sinh.

Có sự khác nhau về nhu cầu học tập theo vùng miền. Học sinh các trường phía Bắc có nhu cầu học văn hoá cao hơn học sinh phía Nam, trong khi nhu cầu học nghề và việc làm thực sự quan trọng hơn đối với phần đông học sinh phía Nam. Điều này đặt ra vấn đề: nên áp dụng một mô hình chương trình thống nhất và bắt buộc cho cả 5 trường, hay áp dụng các mô hình khác nhau, hoặc có một hướng dẫn chung với một 'phần cứng' bắt buộc và 'phần mềm' để ngỏ khả năng lựa chọn và vận dụng đối với từng trường?

Một số đề xuất ban đầu từ nhóm nghiên cứu là:

1) Cần sớm có một hội thảo giữa Cục V26, các TGD và các chuyên gia giáo dục để bàn về một chương trình giáo dục phù hợp với học sinh và giáo viên các cấp học trong các nhà trường, để có được một quyết định về việc lựa chọn, điều chỉnh và/hoặc xây dựng mới chương trình.

2) Giáo viên trong trường cần được tham dự tất cả các bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm hằng năm và được học các khoá bồi dưỡng riêng về phương pháp dạy học và giáo dục các nhóm trẻ em đặc biệt.

3) Đầu tư thêm các phòng học bộ môn và tăng cường các sách tham khảo dành cho giáo viên và học sinh.

4) Nếu có thể, cần có nghiên cứu sâu hơn về tình hình tái hoà nhập cộng đồng của các học sinh đã chấp hành xong thời hạn học tập ở TGD.

5) Cục V26 và các nhà trường cũng cần xây dựng và phổ biến đến xã hội chương trình giáo

dục phòng ngừa VPPL ở lứa tuổi chưa thành niên nhằm đối phó một cách có hiệu quả hơn với tình trạng gia tăng số lượng trẻ em VPPL như hiện nay.

Chúng tôi cho rằng chính nền tảng học vấn phổ thông là chìa khoá giúp trẻ em nói chung, trẻ em VPPL nói riêng có được công cụ để phát triển, nhất là trong bối cảnh hiện nay khi mà thị trường lao động luôn đòi hỏi lực lượng lao động được đào tạo. Đến gần một nửa trẻ em các TGD (từ 12 đến dưới 18 tuổi) có trình độ văn hoá tiểu học hoặc mù chữ cho thấy trình độ văn hoá thấp kém là một yếu tố ảnh hưởng đến hành động xã hội tiêu cực của trẻ em.

Trong TGD, lao động sản xuất là một hoạt động bắt buộc, giúp học sinh có thời gian nhìn nhận lại mình, rèn luyện bản thân, và phần nào mang hàm ý là một 'hình phạt'. Tuy nhiên, việc bị tước đi môi trường gia đình và cộng đồng đã là hình phạt 'bất đắc dĩ' đối với trẻ em. Và chúng tôi cũng cho rằng học tập, chứ không phải lao động sản xuất, mới là và cần là hình thức lao động cần bản nhất của trẻ em lứa tuổi này. Vì thế, một mặt vẫn cần hoạt động lao động sản xuất, song nên giảm thời gian lao động, dành thêm thời gian, không gian và sự khuyến khích cho việc học và tự học của học sinh.

Cuối cùng, sự phối hợp trách nhiệm của nhiều bên (các TGD, Cục V26 Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, các gia đình và cộng đồng), với vai trò chính của các TGD cần được đẩy mạnh nhằm đảm bảo giáo dục một cách có hiệu quả, đáp ứng quyền và nhu cầu chính đáng của học sinh và giáo viên tại các nhà trường đặc biệt này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Đức Chấn, Nguyễn Văn Ninh và các tác giả. *Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn thi hành về công tác cơ sở giáo dục TGD*. NXB Chính trị Quốc gia, 2005.
2. Cục quản lí trại giam V26 (Bộ Công an). *Cẩm nang pháp luật về quyền trẻ em (dùng cho trại giam và TGD)*. Hà Nội, 2005.
3. Nguyễn Ngọc Dũng. *Hỏi đáp về Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em*. NXB Chính trị Quốc gia, 2005.
4. Nghị định 42/CP ngày 14/11/2003.
5. *Pháp lệnh Xử lí vi phạm hành chính năm 2002*.
6. Lưu Thu Thủy (chủ biên). *Tài liệu Giáo dục công dân dành cho người chưa thành niên trong các trại giam*, Hà Nội, 2006.
7. Vụ Pháp luật hình sự hành chính (Bộ Tư pháp). *Quyền trẻ em trong pháp luật Việt Nam*. NXB Tư pháp, Hà Nội, 2005.

SUMMARY

The article deals with the educational need of juvenile delinquents while analyzing the needs for outputs, curriculum, methods, means and conditions for their education as well as other educational activities in schools and putting forth several necessary suggestions.